

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31/7/2020

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Văn Quảng**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Hồng Việt
2. Bà Bé Thị Hợi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Hà Đức Quang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Siu M, sinh năm 1986

Địa chỉ: Làng N, xã M, huyện P, tỉnh Gia Lai.

**Bị đơn:** Chị Kpã V, sinh năm 1986

Địa chỉ: Làng N, xã M, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Siu M trình bày:*

Anh M và chị Kpã V quen biết, tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Gia Lai vào năm 2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống khác nhau dẫn đến con cái hư hỏng khó dạy bảo. Đến tháng 8/2019

thì anh M và chị V đã sống ly thân. Nay anh M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho anh M được ly hôn với chị Kpã V.

Về con chung có 02 con chung là Kpã C, sinh ngày 28/02/2005 và Siu K, sinh ngày 20/5/2012. Hiện các con chung đang do chị Kpã V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Nguyên vọng của anh M mong muốn tiếp tục để cho chị V nuôi 2 con chung. Anh M cấp dưỡng 1.500.000 đồng/cháu/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Kpã V đến làm việc, nhưng chị V không có mặt theo nội dung triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ vụ án không có lời khai của chị V.*

Tại phiên toà, nguyên đơn là anh Siu M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị Kpã V,

*Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Siu M đối với chị Kpã V.

+ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Siu M giao các cháu Kpã C và Siu K cho chị Kpã V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng: Chấp nhận đề nghị của anh Siu M cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/cháu/tháng

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2020; Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao y); Trích lục khai sinh; Biên bản làm việc; Biên bản xác minh; Bản tự khai của nguyên đơn; Biên bản ghi lời khai của con chưa thành niên. Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được

thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Siu M yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn với chị Kpã V, ngoài ra anh M còn yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn. Đơn khởi kiện anh Siu M phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Kpã V hiện cư trú tại làng N, xã M, huyện P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Kpã V đã được toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà và được toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy toà án nhân dân huyện P xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Anh Siu M và chị Kpã V có đăng ký kết hôn vào vào ngày 11/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Gia Lai, anh M và chị V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh M và chị V chung sống hạnh phúc một thời gian cho đến năm 2017 thì anh M và chị V thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do hai anh chị bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau, thường xuyên cãi nhau. Anh M và chị V đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, chị V đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh M và chị V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M.

[3] Xét yêu cầu nuôi con chung:

Anh Siu M và chị Kpã V có 02 con chung là: Kpã C, sinh ngày 28/02/2005 và Siu K, sinh ngày 20/5/2012. Hiện các cháu C và K đang do chị Kpã V nuôi dưỡng trực tiếp.

Xét thấy các cháu C và K đang còn nhỏ, hiện đang ở với chị Kpã V nên việc giao cháu C và K cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quá trình phát triển toàn diện, bình thường của các con chung và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Tại phiên toà nguyên đơn là anh Siu M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/con/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do vậy cần chấp nhận ý kiến về cấp dưỡng của anh M. Mức cấp dưỡng mà anh M đề nghị là 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên

Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Siu M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Siu M được ly hôn với chị Kpã V.

2. Về con chung: Giao các cháu Kpã C, sinh ngày 28/02/2005 và Siu K, sinh ngày 20/5/2012 cho chị Kpã V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (Theo nguyện vọng của con chưa thành niên).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng: Anh Siu M cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/con/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (31/7/2020)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Buộc anh Siu M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng, buộc anh Siu M phải chịu 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0006676 ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Anh Siu M tiếp tục phải nộp

300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Anh Siu M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/7/2020), chị Kpã V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Võ Văn Quảng**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MẬT**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi .... giờ ... phút, ngày 31 tháng 7 năm 2020.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng;

Các Hội thẩm nhân dân: .....

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Siu M, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Làng Nap, xã Ia Mor, huyện P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Kpã V, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Làng Nap, xã Ia Mor, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Điều luật áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Kết quả biểu quyết: .....

2. Về việc giải quyết vụ án:

2.1. Về hôn nhân:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Siu M.

Kết quả biểu quyết: .....

Về hôn nhân: Anh Siu M được ly hôn với chị Kpã V.

Kết quả biểu quyết: .....

2.2 Về con chung: Giao các cháu Kpã Cường, sinh ngày 28/02/2005 và Siu Kiên, sinh ngày 20/5/2012 cho chị Kpã V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (Theo nguyện vọng của con chưa thành niên).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kết quả biểu quyết: .....

2.3 Về cấp dưỡng: Anh Siu M cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/con/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (31/7/2020)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Kết quả biểu quyết: .....

2.4 Về án phí: Buộc anh Siu M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng, buộc anh Siu M phải chịu 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0006676 ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Anh Siu M tiếp tục phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: .....

2.5 Quyền kháng cáo

Anh Siu M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/7/2020), chị Kpã V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Kết quả biểu quyết: .....

Nghị án kết thúc vào hồi .... giờ .... phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Quảng**



